

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-12-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dũng và bà Lê Thị Huyền;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 267/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở và nơi làm việc hiện nay: Số 44, tầng 3, đường Sanhe, khu Shulin, thành phố Tân Bắc, Đài Loan (Trung Quốc).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nhận văn bản tố tụng: Công ty Luật TNHH K;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Bùi Tú Q, sinh năm 2003; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 02, ngõ 43 D, phường P, thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** anh Hà Tuấn Đ, sinh năm 1993; (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở và nơi làm việc hiện nay: Số 05, ngách 36, ngõ 1651, đường Xuân Nhật, quận Đào Viên, thành phố Đào Viên, Đài Loan (Trung Quốc).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Cháu Hà Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 23/10/2020; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu A: Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Tuấn Đ là bố mẹ đẻ của cháu.

+ Ông Hà Tuấn L, sinh năm 1962; (vắng mặt)

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Tuấn Đ được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 04/3/2020 theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, chị và anh Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến khoảng tháng 12/2023 do điều kiện khó khăn chị phải sang Đài Loan theo diện xuất khẩu lao động, sau đó đến khoảng đầu năm 2024 thì anh Đ cũng đi sang Đài Loan để xây dựng kinh tế gia đình. Kể từ thời điểm đó, vợ chồng chị bắt đầu nảy sinh nhiều tranh cãi, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Hơn nữa, tuy cùng ở nước ngoài nhưng khoảng cách địa lý xa xôi gây khó khăn cho cả hai bên khi giải quyết công việc gia đình khiến cuộc sống hôn nhân vợ chồng bế tắc, không có cách giải quyết. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả làm ảnh hưởng đến cuộc sống hai vợ chồng và con cái. Hiện tại chị và anh Đ sống ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm hay liên lạc với nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng của mình. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Tuấn Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Hà Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 23/10/2020. Hiện nay cháu đang ở với ông bà nội là bà Trần Thị H và ông Hà Tuấn L tại thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu A cho chị nuôi dưỡng và chăm sóc, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Tuấn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về việc kết hôn, anh Đ có quan điểm trình bày như chị H. Quá trình chung sống, anh và chị H tình cảm bình thường, đến năm 2023 trước khi chị H đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống suy nghĩ của mỗi người khác nhau, vợ chồng không có chung quan điểm nên hay xảy ra cãi nhau, cuộc sống vợ chồng bất hòa không thể tìm được tiếng nói chung. Cuối năm 2023, chị H đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan còn anh đến tháng 03/2024 cũng đi xuất khẩu lao động bên

Đài Loan. Mặc dù vợ chồng anh cùng sinh sống và làm việc bên Đài Loan nhưng anh và chị H không liên lạc với nhau, không quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau. Cả anh và chị H đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau vì sống với nhau không có hạnh phúc nên vợ chồng anh đều có ý định về Việt Nam để đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, do không thể sắp xếp được công việc để về Việt Nam trực tiếp đề nghị Tòa án. Nay chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh thì quan điểm của anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: anh và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là Hà Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 23/10/2020. Hiện nay cháu A đang ở cùng với bố mẹ anh, cháu A ở với ông bà nội từ tháng 10/2021 cho đến nay. Ly hôn, anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A, anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay, anh và chị H đều vẫn đang lao động bên Đài Loan cả hai không ai trực tiếp nuôi cháu A trong thời gian này được. Vì vậy, đề nghị Tòa án giao cháu A cho anh nuôi dưỡng và anh sẽ nhờ bố mẹ anh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A trong thời gian anh không có mặt ở Việt Nam. Còn việc chị H có nguyện vọng xin được nuôi cháu A, đây cũng là yêu cầu chính đáng tuy nhiên hiện nay chị H không có mặt ở Việt Nam, bố mẹ chị H đều không còn, vì vậy nếu giao cháu A cho chị H trong thời gian hiện tại sẽ không đảm bảo được quyền lợi mọi mặt cho cháu A.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác chung: anh và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H và ông Hà Tuấn L (là bố mẹ đẻ của anh Đ, là bố mẹ chồng chị H) trình bày: Chị H và anh Đ tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, chị H và anh Đ về chung sống cùng gia đình ông bà tại thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, hai anh chị sống với nhau tình cảm bình thường đến tháng 11/2023 thì chị H đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan, còn anh Đ đến tháng 3/2024 cũng đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan. Mặc dù hai anh chị cùng ở bên Đài Loan nhưng không chung sống cùng nhau vì vợ chồng mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn về vấn đề gì thì gia đình ông bà cũng không rõ, anh chị đã không chung sống cùng nhau từ khi anh Đ sang bên Đài Loan lao động cho đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Khoảng đầu năm 2025, anh Đ có gọi điện báo với ông bà, anh Đ sẽ cùng chị H về Việt Nam giải quyết ly hôn nhưng do công việc bận nên anh Đ và chị H đã không về Việt Nam để giải quyết ly hôn như hai anh chị đã dự kiến. Mâu thuẫn giữa hai anh chị, gia đình ông bà có gọi cho hai anh chị qua điện thoại để động viên; khi mẹ đẻ chị H mất, chị H có về Việt Nam được mấy hôm, gia đình ông bà cũng trực tiếp gặp chị H để động viên, khuyên ngăn nhưng sau khi chị H đi được một thời gian thì chị H có gọi trực tiếp cho ông bà nói rằng chị H không thể sống cùng anh Đ được nữa. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Đ, quan điểm gia đình ông bà đề nghị Tòa án tạo điều kiện hòa giải cho vợ chồng anh chị về với nhau để cháu A không thiếu thốn tình cảm

của cha và của mẹ. Trường hợp hai anh chị cương quyết ly hôn nhau, đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật xem xét, giải quyết. Vợ chồng anh Đ chị H có 01 con chung là cháu Hà Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 23/10/2020. Hiện nay cháu A đang ở với gia đình ông bà từ tháng 10/2021 cho đến nay. Trường hợp chị H và anh Đ ly hôn nhau, do anh Đ và chị H vẫn lao động ở bên Đài Loan, không trực tiếp nuôi cháu A được nên đề nghị Tòa án giao cháu A cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, vợ chồng ông bà sẽ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giúp anh Đ trong thời gian anh Đ chưa về Việt Nam. Còn chị H hiện nay vẫn đang ở bên Đài Loan, ở Việt Nam thì không còn bố mẹ nên không thể nhờ ai chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A nếu giao con cho chị H nuôi dưỡng. Từ khi cháu A cai sữa vào năm 2021 cho đến nay, vợ chồng chị H anh Đ không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A mà vợ chồng ông bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Nay nếu hai anh chị không chung sống với nhau nữa, mặc dù vợ chồng ông bà bỏ công sức, thời gian cũng như tiền bạc để nuôi dưỡng cháu A nhưng vợ chồng ông bà tự nguyện không yêu cầu vợ chồng chị H anh Đ phải trích trả công sức nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A cho vợ chồng ông bà. Theo ông bà được biết, vợ chồng anh Đ chị H không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, giữa gia đình ông bà với vợ chồng anh Đ chị H không liên quan gì về vấn đề tài sản nên gia đình ông bà không có yêu cầu đề nghị gì.

UBND xã T cung cấp thông tin: Chị H và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 04/3/2020 theo đúng quy định pháp luật. Chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Hà Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 23/10/2020. Địa phương không nắm được vợ chồng chị H và anh Đ mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn cho chị H và anh Đ. Về con chung: giao cháu A cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H nhận chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Tuấn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên. Hiện tại, chị H và anh Đ đang lao động, làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc). Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Hà Tuấn Đ, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng bà Bùi Tú Q; bị đơn anh Hà Tuấn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, ông Hà Tuấn L đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Tuấn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 04/3/2020 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tình cảm bình thường, đến cuối năm 2023 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, sống với nhau không có tình cảm và đã sống ly thân nhau từ lâu, không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Chị H có đơn xin ly hôn anh Đ, anh Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng nên cũng nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc và chung sống cùng nhau, nhưng từ cuối năm 2023 cho đến nay, chị H và anh Đ không chung sống cùng nhau, không còn liên lạc, không còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Cả chị H và anh Đ đều xác nhận không còn tình cảm vợ chồng. Chị H xin ly hôn anh Đ, anh Đ nhất trí ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn cho chị H và anh Đ.

[3] Về con chung: Chị H và anh Đ đều xác nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 23/10/2020. Ly hôn, chị H và anh Đ đều có

nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy: Nguyên vọng xin được nuôi con của chị H và anh Đ khi vợ chồng ly hôn đều chính đáng. Tuy nhiên, cả chị H và anh Đ hiện nay không có mặt ở Việt Nam, đều đi lao động, làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc); cháu A ở với bà H, ông L (là ông bà nội) từ khi chị H và anh Đ sống ly thân nhau. Toà án lấy lời khai của bà H, ông L có quan điểm, trường hợp chị H, anh Đ ly hôn nhau, cả chị H và anh Đ đều không có mặt ở Việt Nam, ông bà đã nuôi cháu A từ năm 2021 cho đến nay, cháu A được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo và cho đi học, cháu A ngoan ngoãn và phát triển. Vì vậy, đề nghị Toà án giao cháu A cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Đ chưa về Việt Nam thì ông bà sẽ có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A giúp anh Đ. Mặt khác, chính quyền địa phương cung cấp thông tin, gia đình chị H có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Minh nhưng đã chết năm 2024, hiện nay người thân ruột thịt của chị H ở địa phương không có ai, chị H không có mặt ở Việt Nam nên nếu có giao cháu A cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng thì sẽ không đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu A. Vì vậy, giao cháu A cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh Đ; bà H, ông L là ông bà nội của cháu A sẽ có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A trong thời gian anh Đ vắng mặt tại Việt Nam là cần thiết, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại khi cả chị H và anh Đ không có mặt tại Việt Nam. anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, xét đây là sự tự nguyện của anh Đ nên không buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Sau khi ly hôn, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Để bảo đảm quyền lợi của con chung, chị H và anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm của bà H, ông L trình bày, ông bà có công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A từ khi chị H và anh Đ sống ly thân nhau nhưng ông bà không yêu cầu chị H, anh Đ trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Xét đây là sự tự nguyện của bà H, ông L không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị H và bị đơn anh Đ đều xác nhận, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Việc ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các bên đương sự thì buộc các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định). Tuy nhiên, chị H tự nguyện nhận chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên cần được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hà Tuấn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 23/10/2020 cho anh Hà Tuấn Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; trong thời gian anh Hà Tuấn Đ vắng mặt tại Việt Nam, bà Trần Thị H và ông Hà Tuấn L là ông bà nội của cháu A sẽ có trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu A thay anh Đ. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Để bảo đảm quyền lợi của con chung, chị H và anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H và ông Hà Tuấn L tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị H và anh Hà Tuấn Đ phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Nguyễn Tuấn A từ khi chị H và anh Đ sống ly thân nhau nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H nhận chịu toàn bộ 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/25E/0002157 ngày 07/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên, chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả chị Nguyễn Thị H 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Mạnh Quyền